TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 01 - 2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T – TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn C** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đình P**

2. Ông **Võ Thái Q**

***- Thư ký phiên toà*:** Ông **Bùi Văn Tr** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hữu Đ** - Kiểm sát viên**.**

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Hôn nhân gia đình – Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1971. Trú tại: Tổ 05, ấp Bình P. 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1970. Trú tại: Tổ 05, ấp Bình P. 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị Ch xin vắng mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch trình bày: Vào năm 1998 hai người quen biết nhau, cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, anh S thường xuyên chửi mắn nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay, từ khi ly thân đến nay cũng không hàn gắn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quy Sơ, sinh ngày 15/8/1999. Con đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Vào năm 1998 hai người quen biết nhau, cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với lý do là mâu thuẫn về tiền bạc, công việc thì vợ chồng cùng làm nhưng hỏi đến tiền thì chị Ch cho rằng thiếu nợ đã trả nợ hết nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, mỗi lần cải vả thì chị Ch bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, chính thức ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay. Nay chị Ch yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, vì còn thương vợ, thương con.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quy Sơ, sinh ngày 15/8/1999. Con đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị Ch và anh S được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, cha mẹ hai bên đều đồng ý và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị không được pháp luật bảo vệ được quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Ch về xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung đã trưởng thành lao động được nên không cần xem xét.

Về tài sản không có tranh chấp nên không giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh S đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, chị Ch có đơn xin vắng mặt, nhưng có lời trình bày rõ ràng và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên và hiện nay anh S đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 05, ấp Bình P. 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Nên chị Ch khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú T theo quy định tại Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Anh, chị chung sống từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong cuộc sống thường xuyên cãi vả, tình cảm rạng nứt mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và chính thức ly thân, Tuy anh S không đồng ý ly hôn nhưng cũng không tạo điều kiện để hai người hàn gắn, mà tự lo cho cuộc sống riêng của mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này phù hợp lời trình bày của ông Phạm Thành Đ (ở lân cận, anh em họ với chị Ch) và chị Nguyễn Thị Thanh Th (em dâu chị Ch). Để chấm dứt hôn nhân của anh, chị Hội đồng xét xử không công nhận anh, chị là vợ chồng theo Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quy Sơ, sinh ngày 15/8/1999, đến nay đã trưởng thành và tự lập được, nên HĐXX không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị Châm, anh Sớt khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Ch, anh S phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3]Về án phí: Chị Ch là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Anh S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều, 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ch đối với anh Nguyễn Văn S.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị **Nguyễn Thị Ch** và anh **Nguyễn Văn S** là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* cháu Nguyễn Quy Sơ, sinh ngày 15/8/1999, đã trưởng thành và tự lập được.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu phải trả:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu là 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0016167 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang. Anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sư, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-Chi cục THADS huyện PT;
-VKSND huyện PT;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Bùi Văn C